

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2023

V/v: “Tranh chấp về cấp dưỡng cho cha, mẹ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Bà Lê Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 617/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng cho cha, mẹ”, giữa:

Nguyên đơn: - Ông **Lê Thành T**, sinh năm 1956;

- Bà **Nguyễn Minh A**, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: **I H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Lê Hải Đ**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **6 tổ I khu phố B phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Ông **T**, bà **A**, ông **Đ** có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phản trình bày của nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A**:

Ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Thị Minh A** là vợ chồng (theo Bản sao Trích lục kết hôn số 406/TLKH-BS ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông bà có 03 (ba) người con ruột:

- Con **Lê Tấn T1**, sinh năm 1977;

- Con **Lê Hải Đ**, sinh năm 1981;

- Con **Lê Hồng N**, sinh năm 1985.

Ông bà có tài sản duy nhất là nhà và đất tại địa chỉ số F tổ I, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 04816/2003 do Ủy ban nhân dân Quận G cấp ngày 05/11/2003.

Đến năm 2020, do lớn tuổi, không còn khả năng lao động nên vợ chồng ông bà và người con trai thứ là Lê Hải Đ có thỏa thuận bằng lời nói với nội dung: Vợ chồng ông bà làm thủ tục ủy quyền để ông Lê Hải Đ đi làm giấy tờ nhà đất rồi ông bà tặng cho ông Đ toàn bộ nhà đất như trên thì ông Đ sẽ nuôi dưỡng vợ chồng ông bà cho đến khi ông bà qua đời và sẽ lập thủ tục tặng cho em gái ruột là Lê Hồng N1 một phần hai căn nhà và quyền sử dụng đất như trên. Vì tin tưởng nên đến ngày 26/8/2020, tại Văn phòng C, ông bà đã lập Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất (toàn bộ) số 0012178/HĐGD, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD để tặng cho ông Đ nhà ở có tổng diện tích sử dụng, diện tích xây dựng là 43,132m² và diện tích đất 103,95m² tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 04816/2003 do Ủy ban nhân dân Quận G cấp ngày 05/11/2003. Sau đó, đến ngày 09/9/2020, ông Đ có ký “Giấy cho tặng đất” cho em gái ruột là Lê Hồng N1 một phần đất có diện tích 4m x 12m bên hong chữ L nhưng không làm thủ tục công chứng, chứng thực.

Ông bà đã làm thủ tục tặng cho nhà đất cho ông Đ nhưng ông Đ không thực hiện đúng lời hứa phụng dưỡng cha mẹ mỗi tháng 3.000.000đồng/người cho đến khi cha mẹ qua đời mà có những lời nói thóa mạ, hành động xúc phạm cha mẹ nặng nề và rào lại phần đất phía sau nhà 69/4 và đuổi ông bà ra khỏi căn nhà 6 tổ I khu phố B phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông bà mới vừa ký giấy tặng cho ông Đ. Quá bức xúc với sự bất hiếu này của ông Đ nên ông bà đã nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và được Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý số 103/2022/TLST-DS ngày 16/3/2022. Tuy nhiên đến ngày 14/9/2022, ông bà làm đơn rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 7 ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 327/2022/QĐST-DS.

Hiện nay, ông bà đã già yếu, không có khả năng lao động, có nhiều bệnh, không sống chung nhà với con ruột là Lê Hải Đ, không còn tài sản vì tài sản duy nhất là nhà và đất tại địa chỉ 6 tổ I, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ông bà đã làm thủ tục tặng cho ông Lê Hải Đ. Ông bà đang sống cùng nhà thuê với vợ chồng con trai lớn là ông Lê Tấn T1.

Tại Đơn khởi kiện ngày 29/9/2022, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Minh A1 yêu cầu ông Lê Hải Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ theo định kỳ 3.000.000 đồng/tháng/người, thực hiện cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Đ phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Minh A1 xác nhận: Việc ăn uống hàng ngày của ông bà là do vợ chồng con trai lớn Lê Tấn T1 và con gái út

Lê Hồng N1. Nhưng ông **Tấn T1** và bà **Hồng N1** cũng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cũng không có khả năng lo tiền thuốc men mỗi khi ông bà trở bệnh. Vì vậy, trong vụ án này ông bà chỉ có yêu cầu ông **Lê Hải Đ** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông bà là 3.000.000 đồng/tháng/người hoặc đưa cho ông **T** một số tiền để ông đi mổ mắt và hàng tháng cấp dưỡng cho bà **Minh A1** 2.000.000 đồng và mong muốn ông **Lê Hải Đ** tháo dỡ hàng rào phía sau nhà để ông bà được về để xây nhà tạm ở vì nhà thuê quá chật chội và tốn kém. Căn nhà 69/4 **tổ I, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** nếu ông **Đ** chịu ngán ra cho thuê thì cũng có thêm thu nhập hàng tháng.

Phần trình bày của bị đơn ông **Lê Hải Đ**:

Ông là con ruột của ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1**. Ông sống chung với cha mẹ từ nhỏ tại địa chỉ **6 tổ I, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**. Trước đây nhà và đất tại địa chỉ trên của cha mẹ ông có diện tích 200m², thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 7. Ngày 05/11/2004, cha mẹ ông có tặng cho con là vợ chồng con trai đầu là ông **Lê Tấn T1** và bà **Nguyễn Thị Hồng Đ1** diện tích 96m². Sau khi được tặng cho được một thời gian, vợ chồng ông **T1**, bà **Đ1** đã bán lại cho người khác và đã đi chỗ khác sinh sống. Ngày 28/6/2020, cha mẹ ký hợp đồng tặng cho ông phần diện tích đất còn lại là 103,95m² tại **Văn phòng C**.

Ông xác nhận đối với lời trình bày của cha mẹ ông là ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** về việc gia đình có thỏa thuận: Ông **T** bà **Minh A1** tặng cho nhà đất và ông sẽ phụng dưỡng cha mẹ mỗi tháng 3.000.000 đồng và tặng cho lại một phần đất cho em gái **Hồng N1**, là không đúng.

Ông xác nhận hiện nay cha mẹ ông là ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** không ở chung nhà với ông mà đang ở nhà thuê của vợ chồng người anh lớn là ông **Lê Tấn T1**.

Ông xác nhận hiện nay cha mẹ ông là ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** không còn sức khỏe để lao động, không có việc làm, không còn tài sản để tự nuôi bản thân.

Nay với yêu cầu của cha mẹ ông là ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** yêu cầu ông cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng/người, ông không đồng ý vì hiện tại ông không có việc làm, kinh tế trong gia đình ông là do vợ ông là nhân viên y tế học đường **Trường tiểu học T3**. Ông chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cha mẹ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho cả hai người và bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01/01/2024. Còn đối với yêu cầu của cha mẹ ông là ông **T**, bà **Minh A1** yêu cầu ông tháo dỡ hàng rào đất phía sau nhà để cha mẹ ông về ở thì ông không đồng ý. Phần đất này nếu cha mẹ ông có tranh chấp thì chờ kết quả giải quyết của **Ủy ban nhân dân phường P**. Vì trước đây cha mẹ ông ở thường xuyên quậy phá, đập đồ đạc của ông làm ảnh hưởng đến tinh thần con trai ông.

Phần các đương sự trình bày thống nhất tại phiên tòa:

- Ông **Lê Hải Đ** là con ruột của ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1**.

Ngày 28/6/2020, ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** đã ký Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất (toàn bộ) số 0012178/HĐGD, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD để tặng cho ông **Đ** nhà ở có tổng diện tích sử dụng, diện tích xây dựng là 43,132m² và diện tích đất 103,95m² tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 04816/2003 do **Ủy ban nhân dân Quận G** cấp ngày 05/11/2003.

- Các đương sự xác nhận hiện nay ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1**, không có khả năng lao động, không còn tài sản để tự nuôi sống bản thân.

- Các đương sự xác nhận hiện nay ông **Lê Thành T**, bà **Nguyễn Minh A1** không sống chung với ông **Lê Hải Đ**.

Phần các đương sự trình bày không thống nhất tại tòa:

- Ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** yêu cầu ông **Lê Hải Đ** cấp dưỡng cho cha mẹ là 3.000.000 đồng/tháng/người như đúng lời hứa khi ông bà ký hợp đồng tặng cho nhà đất cho ông **Đ**. Ông bà mong muốn ông **Đ** tháo dỡ hàng rào để ông bà được về để ở phần đất phía sau nhà 69/4 cho đến khi ông bà chết.

- Ông **Nguyễn Hải Đ2** chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cha mẹ là ông **T** và bà **Minh A1** 1.000.000 đồng/02 người, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/01/2024. Đối với mong muốn của cha mẹ đề nghị ông **Đ2** tháo dỡ hàng rào để ông bà được về ở phần đất phía sau nhà 69/4 cho đến khi ông bà mất, ông **Đ2** không đồng ý. Phần đất phía sau này nếu cha mẹ ông có tranh chấp thì để **Ủy ban nhân dân phường P, Quận G** giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn cấp dưỡng mỗi người 3.000.000 đồng/tháng.

Ông **T** và bà **Minh A1** là vợ chồng, (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97, quyền số 35/QH do Ủy ban nhân dân phường P cấp ngày 04/10/1997).

Quá trình chung sống, ông **T** và bà **Minh A1** có chung với nhau 03 (ba) người con, họ tên là: **Lê Tân T1**, sinh năm 1977; **Lê Hải Đ**, sinh năm 1981; **Lê Hồng N1**, sinh năm 1985.

Ông **T** và Bà **Minh A1** là chủ sở hữu căn nhà đất tại địa chỉ: **6 tổ I Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 04816/2003 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2003

Ngày 26/8/2020, ông **T** và bà **Minh A1** lập Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên cho con là ông **Lê Hải Đ** (Diện tích nhà ở 43,132m², diện tích đất ở 103.95m² thuộc thửa 343 tờ bản đồ số 7, phường P, Quận G).

Theo trình bày của ông **T** và bà **Minh A1** thì hai bên thỏa thuận bằng lời nói là ông **Đ** nhận tài sản (nhà, đất) trên và sẽ nuôi dưỡng ông **T** và bà **Minh A1** cho đến khi ông bà qua đời. Đồng thời, lập thủ tục tặng cho em gái là bà **Lê Hồng N1** một 1/2 căn nhà và quyền sử dụng đất trên. Tuy nhiên, sau khi nhận tài sản (nhà, đất) trên ông **Đ** không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ là ông **T** và bà **Minh A1**.

Theo quy định Điều 111 Luật Hôn nhân và gia đình và tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông **T** sinh năm 1956 và bà **Minh A1** sinh năm 1957, là người là người cao tuổi, không còn khả năng lao động, có tài sản duy nhất là căn nhà và đất **6 tổ I Khu phố B, phường P, Quận G**, đã tặng cho ông **Đ** nên ông **T** và bà **M** anh không còn tài sản để tự nuôi mình. Ông **Đ** là con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ ông theo quy định tại Điều 107 luật hôn nhân gia đình.

Xét về mức cấp dưỡng: Ông **T** và bà **Minh A1** yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi người 3.000.000 đồng.

Ông **Đ** khai hiện nay đang thất nghiệp hàng tháng không có thu nhập để cấp dưỡng cho cha mẹ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông **T** và bà **Minh A1** cũng không chứng minh được ông **Đ** có thu nhập hàng tháng bao nhiêu tiền. Do đó, nghĩ nên lấy mức lương cơ bản cho khu vực **T2** phố Hồ Chí Minh theo Nghị định 38/20022/NĐ –CP ngày 12/16/2022 là 4680.000 đồng làm cơ sở buộc ông **Đ** cấp dưỡng cho cha mẹ ông.

Cụ thể: 4680.000 đồng chia thành 4 phần gồm: ông **Đ**, cấp dưỡng cho con ông đăng, cấp dưỡng cho ông **T** và bà **Minh A1**, mỗi người 1.170.000 đồng/người là phù hợp với thực tế và quy định Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí bị đơn phải nộp theo quy định.

Nguyên đơn được miễn nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn ông **Lê Thành T**, bà **Nguyễn Minh A1**, bị đơn ông **Lê Hải Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** khởi kiện yêu cầu ông **Lê Hải Đ** cư trú tại địa chỉ **6 tổ I, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên đây là “Tranh chấp về cấp dưỡng cho cha, mẹ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của các đương sự:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định phần các đương sự trình bày thống nhất tại phiên tòa là chứng cứ, là sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh, nên đủ căn cứ để xác định:

- Ông **Lê Hải Đ** là con ruột của ông **Lê Thành T**, bà **Nguyễn Minh A1**.
- Ông **Lê Thành T**, bà **Nguyễn Minh A1** hiện nay không sống chung nhà với ông **Lê Hải Đ**.
- Ông **Lê Hải Đ** được ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** tặng cho tài sản duy nhất là nhà và đất tại địa chỉ **6 tổ I khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.
- Ông **Lê Thành T** và **Nguyễn Minh A1** không còn khả năng lao động, không còn tài sản để tự nuôi sống bản thân.

[2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi thì ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** là người cao tuổi.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Luật Người cao tuổi: “*Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi là con, cháu của người cao tuổi và những người khác có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình*”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ*”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này. Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác”.

Căn cứ Điều 111 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở để xác định: Ông **Lê Hải Đ** là người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1**.

[2.2] Về mức cấp dưỡng:

Người được cấp dưỡng là ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** yêu cầu người có nghĩa vụ cấp dưỡng là ông **Lê Hải Đ** thực hiện việc cấp dưỡng theo định kỳ mỗi tháng 3.000.000 đồng/ người, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Người cao tuổi quy định quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi: “Được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 10 Luật Người cao tuổi: “Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể phải sắp xếp nơi ở phù hợp với điều kiện sức khỏe, tâm lý của người cao tuổi; chu cấp về kinh tế; thanh toán chi phí điều trị và chăm sóc y tế động viên khi người cao tuổi ốm đau; mai táng khi người cao tuổi chết”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Căn cứ vào Công văn số 1161/UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh: “Ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** không nhận tiền trợ cấp hoặc hưởng các chính sách tại địa phương”.

Ông **Lê Hải Đ** trình bày: Hiện nay ông không có việc làm, không có thu nhập thực tế, căn nhà được ông **T** bà **Minh A1** tặng cho là dùng để ở, không có kinh doanh cho thuê, cho mượn nên không đồng ý cấp dưỡng với mức 3.000.000đồng/tháng/người mà chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho cả hai người, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 01/01/2024. Đồng thời cung cấp tài liệu chứng cứ là: Bản photo Quyết định số 662/2021/QĐ-TGD ngày 15/10/2021 của **Tổng Công ty M1** – Công ty Cổ phần về việc chấm dứt hợp đồng lao động; Quyết định số 7339/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 26/01/2022 của **Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H** về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với ông **Lê Hải Đ** với mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng 3.155.880 đồng với số tháng được

hưởng trợ cấp thất nghiệp 06 tháng; Kết quả MRI của **Bệnh viện C1** kết luận đối với ông **Lê Hải Đ** bị “Lồi đĩa đệm tăng L4/5 và L5/S1 ra sau mang hai bên, chèn ép bao màng cứng, không hẹp lỗ liên hợp, không chèn ép rễ thần kinh; Dịch khớp liên mấu L4/L5 và L5/S1”. Tòa án đã yêu cầu ông **Đ** cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh ông **Đ** không có thu nhập, khả năng thực tế tại thời điểm hiện tại nhưng ông **Đ** không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận cho lời trình bày này của ông **Đ**.

Ông **Lê Hải Đ** không cung cấp tài liệu chứng cứ về thu nhập và khả năng thực tế của mình nhưng căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Luật Lao động thì ông **Lê Hải Đ** là người có đủ điều kiện tham gia lao động. Do vậy, mặc dù nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh được thu nhập, khả năng thực tế của ông **Lê Hải Đ** nhưng Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và Phụ lục danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu từ ngày 01/7/2022 (đính kèm theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022) quy định mức lương tối thiểu là 4.680.000 đồng/tháng làm căn cứ để xác định thu nhập tối thiểu để xác định trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của ông **Lê Hải Đ**.

Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh số 349 quyển số 02/2012 của **Ủy ban nhân dân phường T** và lời trình bày thống nhất của các đương sự xác định ông **Lê Hải Đ** có 01 (một) con tên **Lê Trương Đăng K** sinh ngày 28/10/2012 và có 01 vợ hiện là nhân viên y tế học đường **Trường tiểu học T3**. Do vậy, để đảm bảo mức sống tối thiểu của ông **Đ** tại Thành phố Hồ Chí Minh, chi phí nuôi con của ông **Đ**, vì vậy xác định mức cấp dưỡng buộc ông **Đ** phải cấp dưỡng định kỳ cho cha mẹ ruột là ông **Lê Thành T**, bà **Nguyễn Minh A1** là 4.680.000 đồng/4 phần là 1.170.000 đồng/người là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng cho đến khi có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với nguyện vọng của ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** về việc mong muốn ông **Lê Hải Đ** tháo dỡ hàng rào để ông **T** và bà **Minh A1** được trở về ở tại phần đất phía sau **nhà F tổ I, khu phố B, phường P, Quận G** nhưng ông **Hải Đ** không đồng ý, nếu ông **T** và bà **Minh A1** có tranh chấp thì chờ kết quả giải quyết của **Ủy ban nhân dân phường P, Quận G**. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù yêu cầu này không nằm trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn nhưng Hội đồng xét xử vẫn giải thích các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của con đối với cha mẹ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Người cao tuổi và các chuẩn mực giá trị của đạo đức xã hội về tình cảm, trách nhiệm gia đình, con đối với cha mẹ, với mong muốn mối quan hệ giữa con với cha mẹ trong gia đình của các đương sự được sự thuận hòa, hiểu thảo nhưng ông **Lê Hải Đ** vẫn không đồng ý. Vì vậy, đối với phần nguyện vọng này của nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà

Nguyễn Minh A1 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cha mẹ theo định kì hàng tháng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** không được Tòa án chấp nhận được miễn nộp án phí do ông **T** và **Minh A1** là người cao tuổi có yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại điểm b, đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 71, Điều 107, Điều 108, Điều 111, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1**;

1. Buộc ông **Nguyễn Hải Đ2** phải cấp dưỡng cho cha ruột là ông **Lê Thành T** 1.170.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho mẹ ruột là bà **Nguyễn Minh A1** 1.170.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Lê Hải Đ** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi cha, mẹ thì ông **Đ** còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** đối với số tiền yêu cầu cấp dưỡng là 1.830.000đồng/người.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông **Lê Hải Đ** phải chịu án phí cấp dưỡng theo định kỳ là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Ông **Lê Thành T** và bà **Nguyễn Minh A1** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014. Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THA DS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (TK.Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương